

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2021
*Về việc “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Hạnh – Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 113/2021/ TLST – HN&GD ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc C , sinh năm 1983

ĐKHKT và nơi công tác: Đại đội 26, phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 312, Quân Đoàn 1, xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Cù Thị Thiên N , sinh năm 1984

ĐKHKT: xóm Dâu, xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt các đương sự tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Cù Thị Thiên N kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do cả hai không có cùng quan

điểm sống. Khi còn công tác tại Sư đoàn 165, trụ sở tại huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội thì khoảng 1 tuần anh về nhà 1 lần. Cuối năm 2017, anh được điều chuyển về Sư đoàn 312, Quân đoàn 1, trụ sở tại xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên công tác thì ngày nào cũng về gia đình. Từ khi về sống gần thì vợ chồng lại mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống và cả hai không thể tìm được tiếng nói chung. Chính vì vậy kể từ cuối năm 2018 đến nay gần 3 năm anh ăn ở và sinh hoạt tại đơn vị không về gia đình, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N có hai con chung: Cháu Hoàng Anh T , sinh ngày 29/7/2011; cháu Hoàng Ngọc A , sinh ngày 02/6/2016. Khi ly hôn, anh đề nghị giải quyết mỗi người nuôi dưỡng một con chung, cụ thể anh nhận nuôi con chung thứ nhất Hoàng Anh T , chị Nga trực tiếp nuôi con chung thứ hai cháu Hoàng Ngọc A , không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con do mỗi người đều nuôi 01 con chung.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh đang ở tập thể tại đơn vị Sư đoàn 312, Quân đoàn 1, trường hợp có gia đình hoặc phải nuôi con khi ly hôn thì đơn vị không cho ở tập thể mà phải ra ngoài thuê nhà. Mức lương thu nhập của anh là 9.500.000đ/tháng, nhưng anh sẽ khắc phục điều kiện để đảm bảo nuôi con chung được tốt nhất.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2021, bị đơn chị Cù Thị Thiên N trình bày:

Về thời gian kết hôn và chung sống giữa chị với anh C là đúng. Trong cuộc sống chung thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh C uống rượu chửi bới và đánh đập vợ con vô cớ chị có góp ý nhưng anh C không nghe còn có lời nói thô lỗ với chị. Vì vậy, dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ không còn tìm được tiếng nói chung cho cả hai. Khoảng đầu năm 2019 anh C lấy lý do vào đơn vị ở để được thoải mái vì anh chị chung sống cùng với bố mẹ để chị nên chị đã đồng ý, kể từ khi vào đơn vị ở khoảng 6 tháng đầu anh còn thỉnh thoảng về nhà thăm con cái, sau đó thì thưa dần và khoảng 2 năm nay thì không về nhà lần nào nữa. Anh chị cũng đã ly thân không còn có quan hệ vợ chồng đến nay được 3 năm. Khi con chị ốm chị có gọi điện thoại thông báo nhưng anh C cũng không về nhà, thậm chí cũng không cả nghe khi chị gọi điện thoại. Nay anh C có đơn ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, muốn con cái có gia đình nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi hai con chung trưởng thành. Trong trường hợp anh C cương quyết ly hôn chị vẫn không đồng ý và đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Cháu Hoàng Anh T , sinh ngày 29/7/2011; cháu Hoàng Ngọc A , sinh ngày 02/6/2016. Trường hợp phải ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con cho đến

khi trưởng thành, vì các con đều là con gái, anh C công tác trong môi trường quân đội việc nuôi con vô cùng bất tiện.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị, mức cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, hai con là 3000.000/tháng. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Anh Phương mức thu nhập bình quân là 6.000.000đ/tháng, ngoài ra tiền làm thêm thu nhập khoảng 2.000.000đ/tháng cũng tạm đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng,

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 266 BLTTDS, Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp án phí lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định các nội dung sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chiến, cho anh Chiến được ly hôn với chị Nga.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Anh T và cháu Hoàng Ngọc A cho chị Nga nuôi dưỡng. Anh Chiến có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/cháu.

- Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Ngọc C chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn anh Hoàng Ngọc C khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn chị Cù Thị Thiên N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Dâu, xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1] *Về thủ tục hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 21/5/2021 và 25/8/2021. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn. Do các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, VKSND thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hoàng Ngọc C và Chị Cù Thị Thiên N tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Thành ngày 28/9/2010, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C và nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ của chị N thì thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Theo anh C trình bày, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Cũng có thời gian anh C suy nghĩ cho các con, mong muốn nếu chung sống cùng nhau thì phải thuê nhà ra ở riêng vì vợ chồng đang sống cùng bố mẹ chị N, có nhiều điều bất tiện trong sinh hoạt, phía chị N không đồng ý. Anh muốn chị N về ở quê cùng gia đình anh vì bản thân anh là con trai, sau này phải có trách nhiệm với cha mẹ, tổ tiên nhưng chị N cũng không đồng ý. Từ mâu thuẫn giữa vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn giữa anh Chiến và gia đình vợ khiến anh không tiếp tục chung sống cùng chị N và gia đình chị dưới một mái nhà. Anh cũng đã ở đơn vị từ năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng ly thân từ đó.

Tại phiên tòa chị N cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm vào đầu năm 2019, sau khi vợ chồng có xô sát nên bố để chị can thiệp và đuổi anh Chiến ra khỏi nhà, chị được chứng kiến và đồng ý với lý do cho anh Chiến ra ngoài để thay đổi cuộc sống. Khi anh C vào đơn vị ở chị cũng không vào nhờ lãnh đạo đơn vị anh C hoà giải, chị yêu cầu anh ra ngoài thuê nhà cùng chung sống nhưng anh C không nhất trí nên chị cũng không trao đổi gì với anh Chiến nữa.

HĐXX thấy, nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình của chị N là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh

phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xong bản thân anh C và chị N không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Tại biên bản xác minh giữa Tòa án với ông Cù Xuân H và bà Đỗ Thị H (là bố mẹ đẻ của chị N) ông H, bà H cho biết: sau khi kết hôn chị N, anh C ở tại đơn vị 165 (Sóc Sơn, Hà Nội) một thời gian ngắn thì anh C điều chuyển công tác về tại Sư Đoàn 312, Thuận Thành, Phổ Yên và chung sống cùng gia đình ông bà. Anh chị chung sống với ông bà hoà thuận, không có vấn đề gì cho đến năm 2011 thì anh C sinh tật rượu chè, mỗi lần uống rượu về thì chửi bới, bạo lực vợ, ông bà có can thiệp thì anh C còn chửi cả ông bà. Khoảng 03 năm trở lại đây, mâu thuẫn giữa anh chị quá trầm trọng, anh C không tôn trọng bố mẹ vợ, mặc dù anh đang ở cùng với gia đình ông bà. Sau một lần vợ chồng cãi vã, anh C bỏ đi vào đơn vị ở, không quan tâm cũng như chu cấp cho chị Nga nuôi con. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau...*” Như vậy, anh C và chị N đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của anh C đối với chị N và anh khẳng định không còn tình cảm gì với chị N nếu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C mà cho vợ chồng anh chị đoàn tụ thì cũng không thể xây dựng gia đình trọn vẹn như ban đầu. Hơn nữa chị N không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C được ly hôn với chị N là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 29/7/2011; Hoàng Ngọc A, sinh ngày 02/6/2016. Khi ly hôn, anh C đề nghị được nuôi dưỡng con chung Hoàng Anh T, giao con chung Hoàng Ngọc A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N đề nghị được

nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/ con/tháng, tổng cộng 3.000.000đ /02 con/ tháng.

Xét nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh chị, HĐXX nhận thấy: quyền chăm sóc giáo dục con chung là trách nhiệm của cả bố và mẹ, hai con chung của anh C và chị N là con gái, hiện nay đang ở cùng với chị N và đi học tại Thuận Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên. Tại bản tự khai trình bày tại Toà án, cháu T trình bày: hiện đang học lớp 5 trường tiểu học Thuận Thành, cháu đang ở nhà ông bà ngoại cùng mẹ N và em gái. Bố ở tại đơn vị bộ đội không về nhà. Nguyện vọng của cháu là được ở cùng bố mẹ.

Về nguyện vọng được quyền nuôi con của cả anh C và chị N đều là thực tâm, đều hướng tới cho con có một môi trường sống ổn định, thuận lợi cho sinh hoạt, cho học tập của con sau khi bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên do anh chị không thoả thuận được việc nuôi con, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết về con chung.

Cụ thể điều luật quy định như sau: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau ly hôn đối với con. Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*.

Tại biên bản xác minh của Toà án với ông Tô Hồng Đ, ông Đ cho biết, về điều kiện để trực tiếp nuôi con của anh C là không có khả năng vì đơn vị chỉ giải quyết cho một mình anh C là quân nhân của đơn vị ở tại đơn vị, nếu được nuôi con thì anh C phải gửi con về quê cho bố mẹ chăm sóc chứ không thể ở đơn vị cùng với anh C được. Việc chị N nuôi con sẽ là thuận lợi hơn cho việc sinh hoạt, học tập của các cháu.

Bên cạnh đó, HĐXX thấy rằng, các con của anh C và chị N đều là con gái, khi trưởng thành về mặt sinh lý, rất cần sự bảo ban, chỉ bảo của mẹ mà rất khó có thể chia sẻ cùng với bố. Các cháu từ nhỏ đã ở cùng với chị N ở Thuận Thành và hiện tại đang theo học tại xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, tránh làm ảnh hưởng đến việc thay đổi môi trường sống, môi trường học tập cũng như để ổn định tâm lý của con trẻ sau khi vợ chồng ly hôn, cần thiết phải giao cả hai con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Chị Nga đề nghị anh Chiến cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/ 02 con. Về yêu cầu cấp dưỡng của chị N, thấy rằng: Anh C đang được hưởng hệ số lương 4,2. Tổng thu nhập 9.458.000đ. Mức yêu cầu cấp dưỡng của chị N là phù hợp với mức thu nhập của anh C để anh C có thể thực hiện được. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N. Buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con 1.500.000đ/tháng (tổng cộng 3.000.000đ/tháng/ 02 con) cho chị Nga.

Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có khả năng lao động.

[3.3]. *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4]. *Án phí*: Anh Chiến chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 131, Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của anh Hoàng Ngọc C với chị Cù Thị Thiên N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc C được ly hôn với chị Cù Thị Thiên N .

2. Về con chung: Giao cả hai con chung cháu Hoàng Anh T , sinh ngày 29/7/2011; Hoàng Ngọc A , sinh ngày 02/6/2016 cho chị Cù Thị Thiên N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, đôi bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc Anh Hoàng Ngọc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị N là cháu Hoàng Anh T , sinh ngày 29/7/2011; Hoàng Ngọc A , sinh ngày 02/6/2016, mỗi cháu là 1.500.000đ (Bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng. Tổng cộng 3.000.000đ (Bằng chữ: Ba triệu đồng)/tháng/02 con).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: kể từ tháng 9/2021 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi anh Chiến, chị Nga có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tài sản chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Án phí: Anh Hoàng Ngọc C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng: 600.000đ (*Bằng chữ: sáu trăm ngàn đồng*). Anh C được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0005184 ngày 06/5/2021. Anh C còn phải nộp tiếp 300.000đ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh C, chị N tại phiên toà. Báo cho biết, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thuận Thành.T X PY, TN;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Hà

